

Số: 03 /GPMT-KCNC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 07/2017/QĐ-UB ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội, Chỉ thị số 27-CT/TU của Thành ủy và Nghị quyết số 18/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;



Căn cứ Kế hoạch số 41/KH-KCNC ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh tại Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo ý kiến của Tổ kiểm tra cấp giấy phép môi trường tại Công văn số 1221/KCNC-QHXDMT ngày 28 tháng 8 năm 2024 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với cơ sở “Sản xuất thẻ thông minh” Lô I-3b-4-a Đường N6, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ thông minh, họp ngày 13 tháng 8 năm 2024;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ thông minh tại Văn bản số 28/CV-STID/2024 đến Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh ngày 31 tháng 7 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường cơ sở “Sản xuất thẻ thông minh” Lô I-3b-4-a, Đường N6, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và hồ sơ hoàn thiện kèm theo Văn bản số 01/CV-STID/2025 về việc giải trình các ý kiến đóng góp của các thành viên trong Tổ kiểm tra và Văn bản số 02/CV-STID/2025 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Sản xuất thẻ thông minh” Lô I-3b-4-a, Đường N6, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét đề nghị của Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường tại Phiếu trình ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Báo cáo số 03/BC-QHXDMT ngày 06 tháng 01 năm 2025 về kết quả kiểm tra và rà soát hồ sơ cấp giấy phép môi trường cơ sở “Sản xuất thẻ thông minh”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ thông minh, địa chỉ tại Lô I-3b-4-a, Đường N6, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Sản xuất thẻ thông minh” tại Lô I-3b-4-a, Đường N6, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Sản xuất thẻ thông minh.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô I-3b-4-a, Đường N6, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305127843 cấp đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 3 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 01 năm 2022 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ thông minh.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6822802034 cấp chứng nhận lần đầu ngày 21 tháng 9 năm 2009, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 10 tháng 9 năm 2024 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ thông minh.

1.4. Mã số thuế: 0305127843

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các loại thẻ dùng trong lĩnh vực tin học, viễn thông, bảo vệ và các ứng dụng khác, in offset, in nhiệt trên thẻ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư Nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tổng diện tích khu đất thực hiện cơ sở: 5.000 m² (theo Hợp đồng thuê đất số 34/HĐTD/KCNC-2009 ngày 26 tháng 10 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ thông minh và Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 866611).

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí phân loại dự án Nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất sản xuất: Thẻ cào, số lượng tối đa 200.000.000 cái/năm.

- Quy trình sản xuất sản phẩm:

Tấm nhựa hoặc giấy → Kiểm tra → In offset trên tấm nhựa hoặc giấy, in số pin (nếu đạt)/ Rác thải, thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng (nếu không đạt) → Cắt hoặc bế (nếu đạt)/ in bù (nếu không đạt) → Tráng bóng (nếu đạt)/ Rác thải, thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng (nếu không đạt) → In lụa bạc cào (nếu đạt)/ Rác thải, thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng (nếu không đạt) → Bế răng cưa đường xé (nếu đạt)/ Rác thải, thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng (nếu không đạt) → Cắt tề biên (nếu đạt)/ Rác thải, thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng (nếu không đạt) → Kiểm thẻ, đóng gói (nếu đạt)/ Rác thải, thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng (nếu không đạt) → Hoàn thành (nếu đạt)/ In bù (nếu không đạt) → Lưu kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ thông minh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tuân thủ Quy chế Bảo vệ môi trường Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Thực hiện theo đúng Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ đăng ký đầu tư đã được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trường hợp có sự thay đổi, phải báo cáo Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh để được xem xét, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các hồ sơ pháp lý liên quan khác theo đúng quy định trước khi triển khai hoạt động.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành.

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ thông minh;
- UBND TP.HCM;
- Sở TN&MT TP.HCM;
- UBND thành phố Thủ Đức;
- Các PTB (để biết);
- Văn phòng Ban Quản lý KCNC;
- Phòng QLKH&HTQT; Phòng QLDN; BQLCDA;
- Ban biên tập trang thông tin SHTP (để đăng tải trang thông tin điện tử);
- Lưu: VT, P.QHXDMT.Y.13.



TRƯỞNG BAN

Nguyễn Kỳ Phùng



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 123/GPMT-KCNC ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý không xả trực tiếp ra môi trường, được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu Công nghệ cao, sau đó được đưa về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao để tiếp tục xử lý).

Nước thải của cơ sở sau xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống thu gom và thoát nước thải, đưa về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao để tiếp tục xử lý. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ thông minh đã ký Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 04/HĐ-BQLCDA-XLNT, ký ngày 28 tháng 06 năm 2017 với Ban Quản lý Các dự án Đầu tư – Xây dựng Khu Công nghệ cao (là đơn vị trực thuộc Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh được phân công phụ trách quản lý, vận hành Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh (bồn cầu, âu tiểu) của nhân viên nhà xưởng được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn sau đó được dẫn bằng các đường ống PVC Ø200, I = 0,5% đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Khu Công nghệ cao.

- Nguồn số 02: nước thải phát sinh từ hoạt động rửa tay, vệ sinh sàn nhà, vệ sinh thùng chứa chất thải rắn được thu gom bằng đường ống PVC Ø90 dẫn về ngăn thứ 3 của bể tự hoại. Nước thải tại ngăn thứ 03 bể tự hoại sẽ được dẫn bằng các đường ống PVC Ø200, I = 0,5% đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Khu Công nghệ cao.

Dòng nước thải: 01 dòng, cụ thể: Toàn bộ nước thải phát sinh từ nguồn thải số 01 và 02 với tổng lưu lượng khoảng 4,3 m³/ngày từ hệ thống thoát nước thải của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ thông minh đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của Khu Công nghệ cao được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Khu Công nghệ cao tại vị trí xả thải có toạ độ X (m): 1199963 và Y (m): 615306 (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiều 3°).

Lưu lượng xả thải tối đa là **4,3 m³/ngày**.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải: bể tự hoại.
- Số lượng: 03 bể.
- Thể tích: 16,42 m³.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến ống dẫn nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ nước thải.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động và bảo trì, bảo dưỡng bể tự hoại.
- Tiến hành nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ và hút hầm cầu để đảm bảo thể tích lưu chứa của các bể tự hoại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

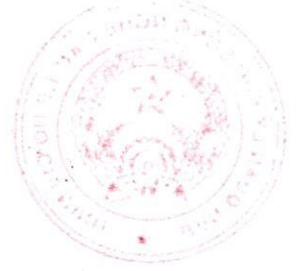
Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom và xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đạt Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom nước thải của cơ sở; bảo trì, vệ sinh thường xuyên hố ga đầu nối nước thải để thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát.

3.3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ thông minh chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom và thoát nước thải của Khu Công nghệ cao để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận.





Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 02./GPMT-KCNC ngày 17 tháng 01 năm 2025
của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Hơi hóa chất phát sinh từ hoạt động in ấn của máy in số 01;
- Nguồn số 02: Hơi hóa chất phát sinh từ hoạt động in ấn của máy in số 02;
- Nguồn số 03: Hơi hóa chất phát sinh từ hoạt động in ấn của máy in số 03;
- Nguồn số 04: Hơi hóa chất phát sinh từ hoạt động in ấn của máy in số 04;
- Nguồn số 05: Hơi hóa chất phát sinh từ hoạt động in ấn của máy in số 05;
- Nguồn số 06: Hơi hóa chất phát sinh từ hoạt động in ấn của máy in số 06.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất phát sinh từ hoạt động in ấn của các máy in nằm trong khuôn viên Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ thông minh tại Lô I-3b-4-a, Đường N6, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Dòng khí thải: 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất phát sinh từ hoạt động in ấn được thu gom từ nguồn số 01 đến nguồn số 06 với lưu lượng khí thải tối đa là 2.200m³/h.

2.2. Phương thức xả khí thải: Cường bức, dùng quạt hút đẩy khí ra ngoài, xả liên tục theo thời gian hoạt động.

2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Toluen	mg/m ³	750	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Cơ sở tự đề xuất quan trắc khí thải định kỳ 06 tháng/lần.	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	Xylen	mg/m ³	870		
3	Benzen	mg/m ³	5		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Nguồn số 01 đến nguồn số 06: khí thải phát sinh từ 06 máy in tại khu vực sản xuất được thu gom qua hệ thống thu gom sau đó được dẫn qua hệ thống xử lý hơi hóa chất trước khi thải ra môi trường trong khuôn viên nhà xưởng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Nguồn số 01 đến nguồn số 06: 01 Hệ thống thu gom và xử lý hơi hóa chất, công suất 2.200 m³/giờ.

Quy trình công nghệ xử lý: Hơi hóa chất phát sinh từ hoạt động in ấn của các máy in trong khu vực sản xuất → (Ống hút)/ (Ống hút → Quạt hút phụ) → Hệ thống đường ống nhánh và ống chính thu gom → Quạt hút chính → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thải cao 8m (tính từ mặt đất) → Khí thải thoát vào môi trường đạt QCVN 20:2009/BTNMT.

Hóa chất sử dụng: Than hoạt tính (theo hướng dẫn của nhà sản xuất). Định kỳ thay thế 06 tháng/lần.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Đảm bảo vận hành theo đúng kỹ thuật của nhà cung cấp.

Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống đường ống, hệ thống xử lý bụi, khí thải và quạt hút để kịp thời phát hiện những sự cố có thể xảy ra.

Kiểm định, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị sản xuất thường xuyên, đảm bảo hoạt động đúng quy trình nhà sản xuất đưa ra.

Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống thông gió như quạt hút, ống dẫn để kịp thời thay thế nếu hư hỏng. Tạm ngừng các công đoạn hoạt động có phát sinh khí thải chờ khắc phục xong sự cố mới tiếp tục hoạt động.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

01 Hệ thống thu gom và xử lý hơi hóa chất phát sinh từ quá trình sản xuất (nguồn số 01 đến nguồn số 06), công suất thiết kế: 2.200 m³/giờ

2.2.1. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại Phần A 2.3 Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý hơi hóa chất phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Thay vật liệu lọc định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất, đảm bảo hơi hóa chất phát sinh từ hoạt động của cơ sở được xử lý đạt yêu cầu trước khi xả thải ra môi trường.

3.4. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ thông minh chịu trách nhiệm trước pháp luật khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.





Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 122./GPMT-KCNC ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Hoạt động của các phương tiện vận chuyển khi ra vào cơ sở (Khu vực cổng ra vào của cơ sở);
- Nguồn số 02: Khu vực sản xuất (Khu vực đặt các máy in);
- Nguồn số 03: Khu vực đóng gói.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X (m) = 1.199.999; Y (m) = 615.361;
- Nguồn số 02: Tọa độ X (m) = 1.199.951; Y (m) = 615.342;
- Nguồn số 03: Tọa độ X (m) = 1.199.963; Y (m) = 615.340.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc QCVN 24:2016/BYT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn theo QCVN 24:2016/BYT Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc:

TT	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn trong 8 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	Không	Tại nơi làm việc

3.2 Tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

3.3. Độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Máy móc, thiết bị được lắp đặt đúng quy cách, lắp đặt lò xo đàn hồi trên bộ máy kiên cố. Thường xuyên kiểm tra độ mòn thiết bị, thay thế các thiết bị, chi tiết hỏng, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng thiết bị định kỳ.

1.2. Thiết bị máy móc của hệ thống xử lý khí thải được lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su chống rung.

1.3. Trong quá trình hoạt động sản xuất thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của các máy móc, lượng dầu bôi trơn và dầu trong máy.

1.4. Trong suốt quá trình hoạt động, tiếp tục duy trì các biện pháp giảm thiểu nêu trên và thường xuyên có kế hoạch giám sát định kỳ để hạn chế đến mức thấp nhất ô nhiễm do tiếng ồn gây ra.

1.5. Trồng cây xanh trong khuôn viên cơ sở để giảm thiểu tiếng ồn và đảm bảo điều kiện vi khí hậu

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của cơ sở, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của cơ sở.



Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT-KCNC ngày ... tháng 01 năm 2025
của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Danh mục CTNH	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Trạng thái	Thiết bị lưu chứa	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại, than hoạt tính hấp thụ hơi dung môi thải	18 02 01	KS	Rắn	Thùng 120 lít	500
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	Rắn	Thùng 1.200 lít	130
3	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	KS	Rắn	Thùng 120 lít	120
4	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiăng) thải	18 01 02	KS	Rắn	Thùng 1.200 lít	100
5	Nước thải vệ sinh bản kẽm xử lý bên ngoài cơ sở sản xuất	19 10 01	KS	Lỏng	Thùng 1.000 lít	8.000
Tổng (kg/năm)						8.850

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT) phát sinh:

STT	Nhóm CTRCNTT	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì nylon	18 01 06	TT-R	Rắn	100
2	Giấy carton, giấy vụn, lõi băng keo	18 01 05	TT-R	Rắn	900
3	Bùn bể tự hoại phát sinh từ các nhà vệ sinh của cơ sở	12 06 13	TT	Bùn	2.000
Tổng (kg/năm)					3.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Nhóm chủng loại CTRSH	Đề nghị cấp phép (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	20,3
Tổng khối lượng		20,3

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng dung tích 120 lít, 1.000 lít và 1.200 lít, bên ngoài thùng được dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 13 m²

- Vị trí bố trí: Tọa độ: X (m) = 1.199.933, Y (m) = 615.386

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa chất thải nguy hại được bố trí có sàn bê tông láng xi măng, tường bao bằng tôn, có gờ chống tràn chất thải ra ngoài để phòng trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ chất thải đang lưu chứa trong phòng chứa, có mái che, có biển cảnh báo; lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy, vật dụng phòng chống sự cố tràn đổ để ứng phó khi có sự cố xảy ra, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1 Thiết bị lưu chứa: bao loại 100kg, thùng chứa 1.000 lít

2.2.2 Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 10 m²
- Vị trí bố trí: Tọa độ: X (m) = 1.199.955, Y (m) = 615.386
- Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông, có mái che, tường bao kín với cửa ra vào.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 04 thùng với dung tích là 120 lít/thùng tại khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt: 4m²
- Vị trí: Tọa độ: X (m) = 1.199.938; Y (m) = 615.397
- Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông, có mái che.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Tăng diện tích bố trí kho chứa trong trường hợp không đủ diện tích lưu chứa.
- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

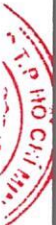
1. Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển xử lý đối với chất thải phát sinh tại cơ sở theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo tần suất thu gom.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.





Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 122/GPMT-KCNC ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở.

2. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành về an toàn lao động, quản lý hóa chất, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

4. Thực hiện Quy chế bảo vệ môi trường Khu Công nghệ cao.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết./